



ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM – CTCP

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 08/2016

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	2
MỤC 1 – ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	2
<i>Điều 1 Định nghĩa và giải thích</i>	2
MỤC 2 – THÀNH LẬP, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	5
<i>Điều 2 Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính</i>	5
<i>Điều 3 Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của ACV</i>	5
<i>Điều 4 Con dấu</i>	6
<i>Điều 5 Người đại diện theo pháp luật của ACV</i>	6
<i>Điều 6 Mục tiêu hoạt động của ACV</i>	6
<i>Điều 7 Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và hoạt động</i>	7
<i>Điều 8 Quản lý Nhà nước</i>	7
<i>Điều 9 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong ACV</i>	7
MỤC 3 – NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	7
<i>Điều 10 Ngành nghề kinh doanh chính của ACV</i>	7
<i>Điều 11 Ngành nghề kinh doanh có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của ACV</i>	8
<i>Điều 12 Áp dụng Điều ước quốc tế và tập quán thương mại trong hoạt động hàng không</i>	10
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	10
<i>Điều 13 Vốn điều lệ</i>	10
<i>Điều 14 Tăng, giảm vốn điều lệ</i>	10
<i>Điều 15 Cổ phần</i>	11
<i>Điều 16 Chào bán cổ phần</i>	11
<i>Điều 17 Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược</i>	11
<i>Điều 18 Mua lại cổ phần</i>	12
<i>Điều 19 Chuyển nhượng cổ phần</i>	13
<i>Điều 20 Sổ đăng ký cổ đông</i>	14
<i>Điều 21 Chứng nhận cổ phiếu</i>	15

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH	16
MỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC	16
<i>Điều 22 Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....</i>	<i>16</i>
MỤC 2 – CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
<i>Điều 23 Cổ đông.....</i>	<i>16</i>
<i>Điều 24 Quyền của cổ đông.....</i>	<i>18</i>
<i>Điều 25 Nghĩa vụ của cổ đông.....</i>	<i>20</i>
<i>Điều 26 Trách nhiệm của cổ đông lớn.....</i>	<i>21</i>
<i>Điều 27 Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>21</i>
<i>Điều 28 Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>22</i>
<i>Điều 29 Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>23</i>
<i>Điều 30 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>25</i>
<i>Điều 31 Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>25</i>
<i>Điều 32 Mời họp Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>26</i>
<i>Điều 33 Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>26</i>
<i>Điều 34 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>28</i>
<i>Điều 35 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>28</i>
<i>Điều 36 Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>31</i>
<i>Điều 37 Điều kiện để nghị quyết được thông qua.....</i>	<i>31</i>
<i>Điều 38 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>32</i>
<i>Điều 39 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>34</i>
<i>Điều 40 Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>35</i>
<i>Điều 41 Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>35</i>
MỤC 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
<i>Điều 42 Hội đồng quản trị.....</i>	<i>36</i>
<i>Điều 43 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</i>	<i>37</i>
<i>Điều 44 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....</i>	<i>38</i>

Điều 45 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	40
Điều 46 Chủ tịch Hội đồng quản trị	40
Điều 47 Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	41
Điều 48 Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	43
Điều 49 Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	44
Điều 50 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	45
Điều 51 Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	45
Điều 52 Tiền lương, thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị.....	46
Điều 53 Các ủy ban giúp việc Hội đồng quản trị	47
Điều 54 Thư ký ACV	47
MỤC 4 – TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ	47
Điều 55 Tổng Giám đốc.....	47
Điều 56 Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	48
Điều 57 Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	49
Điều 58 Giúp việc cho Tổng Giám đốc.....	49
Điều 59 Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc	50
Điều 60 Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế Tổng Giám đốc.....	50
MỤC 5 – BAN KIỂM SOÁT	51
Điều 61 Ban kiểm soát.....	51
Điều 62 Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát.....	52
Điều 63 Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	53
Điều 64 Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	54
Điều 65 Trưởng Ban kiểm soát.....	55
Điều 66 Các cuộc họp của Ban kiểm soát	55
Điều 67 Thông qua quyết định của Ban kiểm soát.....	57
Điều 68 Biên bản họp Ban Kiểm soát.....	58
Điều 69 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	58
Điều 70 Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	59

<i>Điều 71 Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên</i>	59
MỤC 6 – TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ ACV	60
<i>Điều 72 Trách nhiệm của Ban kiểm soát và Người quản lý ACV</i>	60
<i>Điều 73 Công khai các lợi ích liên quan</i>	61
<i>Điều 74 Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</i>	62
<i>Điều 75 Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</i> 63	
<i>Điều 76 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</i>	63
MỤC 7 – LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	64
<i>Điều 77 Lao động</i>	64
<i>Điều 78 Công đoàn</i>	64
CHƯƠNG IV: QUAN HỆ GIỮA ACV VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT	65
MỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ACV	65
<i>Điều 79 Cơ cấu tổ chức của ACV</i>	65
MỤC 2 – QUAN HỆ GIỮA ACV VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	65
<i>Điều 80 Quan hệ giữa ACV với các Đơn vị trực thuộc</i>	65
MỤC 3 – QUAN HỆ GIỮA ACV VỚI CÁC CÔNG TY CÓ VỐN GÓP	66
<i>Điều 81 Quản lý phân vốn của ACV đầu tư tại doanh nghiệp khác</i>	66
<i>Điều 82 Nguyên tắc quan hệ với các công ty có vốn góp của ACV</i>	66
CHƯƠNG V: CƠ CHẾ TÀI CHÍNH	67
MỤC 1 – CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH	67
<i>Điều 83 Chế độ tài chính</i>	67
<i>Điều 84 Hệ thống kế toán</i>	67
<i>Điều 85 Năm tài chính</i>	68

MỤC 2 – KIỂM TOÁN	68
<i>Điều 86 Kiểm toán độc lập</i>	<i>68</i>
<i>Điều 87 Kiểm toán nội bộ</i>	<i>69</i>
MỤC 3 – PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	69
<i>Điều 88 Phân phối lợi nhuận sau thuế.....</i>	<i>69</i>
<i>Điều 89 Trích lập quỹ</i>	<i>69</i>
<i>Điều 90 Cổ tức</i>	<i>70</i>
CHƯƠNG VI: SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA ACV	71
<i>Điều 91 Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....</i>	<i>71</i>
<i>Điều 92 Báo cáo thường niên</i>	<i>72</i>
<i>Điều 93 Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ của ACV</i>	<i>72</i>
<i>Điều 94 Chế độ lưu giữ tài liệu của ACV</i>	<i>73</i>
<i>Điều 95 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</i>	<i>73</i>
CHƯƠNG VII: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN ACV	74
<i>Điều 96 Tổ chức lại</i>	<i>74</i>
<i>Điều 97 Giải thể.....</i>	<i>74</i>
<i>Điều 98 Phá sản.....</i>	<i>75</i>
CHƯƠNG VIII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	75
<i>Điều 99 Giải quyết tranh chấp nội bộ.....</i>	<i>75</i>
CHƯƠNG IX: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....	76
<i>Điều 100 Thông tin định kỳ.....</i>	<i>76</i>
<i>Điều 101 Nghĩa vụ bảo mật</i>	<i>76</i>
<i>Điều 102 Luật điều chỉnh, giải thích Điều lệ</i>	<i>76</i>
CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN HIỆU LỰC	76
<i>Điều 103 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ</i>	<i>76</i>
<i>Điều 104 Điều khoản chung</i>	<i>77</i>

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- ✓ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- ✓ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hàng không dân dụng;
- ✓ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- ✓ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- ✓ Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam – CTCP tổ chức vào ngày 26 tháng 08 năm 2016 (theo Nghị quyết số: 02/NQ-ĐHĐCĐ). Các Phụ lục và các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.



CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1 – ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Điều 1 Định nghĩa và giải thích

- 1.1 Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
- 1.1.1 “**Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP**” (sau đây gọi tắt là ACV) là Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP, được chuyển đổi từ công ty TNHH Một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo Quyết định số 1710/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.
- 1.1.2 “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của ACV.
- 1.1.3 “**Cổ đông lớn**” là Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của ACV.
- 1.1.4 “**Cổ phần**” là Vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần đó được gọi là cổ phần.
- 1.1.5 “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của ACV sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- 1.1.6 “**Cổ phần, vốn góp chi phối của ACV**” tại doanh nghiệp khác là số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc mức vốn góp của ACV chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.
- 1.1.7 “**Cổ phần, vốn góp không chi phối của ACV**” tại doanh nghiệp khác là số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc mức vốn góp của ACV chiếm từ 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp trở xuống.
- 1.1.8 “**Công ty con**” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:
- ACV sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - ACV có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - ACV có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- 1.1.9 “**Công ty liên kết**” là công ty mà ACV nắm giữ cổ phần, vốn góp không chi phối theo quy định của pháp luật.

- 1.1.10 “**Người có liên quan**” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp, cá nhân trong các trường hợp sau đây:
- a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - b. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - d. Người quản lý doanh nghiệp;
 - e. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - f. Cá nhân với vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của cá nhân đó;
 - g. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này;
 - h. Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và g khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
 - i. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
- 1.1.11 “**Người quản lý ACV**” bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của ACV và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của ACV theo quy định của pháp luật.
- 1.1.12 “**Người đại diện phần vốn của ACV**” là Người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của ACV để thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp, cổ phần của ACV.
- 1.1.13 “**Quyền chi phối**” là quyền của ACV đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:
- a. Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;
 - b. Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp;

- c. Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp;
 - d. Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;
 - e. Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa ACV và các doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.
- 1.1.14 “**Vốn điều lệ**” là số vốn do các cổ đông của ACV thực góp, được ghi vào Điều lệ này và được xác nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. Vốn điều lệ có thể thay đổi trong từng thời kỳ, phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của ACV và quy định của pháp luật.
- 1.1.15 “**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- 1.1.16 “**Thành viên Hội đồng quản trị độc lập**” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
- a. Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - b. Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do ACV nắm quyền kiểm soát;
 - c. Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của ACV;
 - d. Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho ACV trong hai (02) năm gần nhất;
 - e. Không phải là đối tác hoặc người có liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với ACV chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của ACV trong hai (02) năm gần nhất.
- 1.1.17 “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.
- 1.1.18 Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế.

- 1.1.19 Các tiêu đề (chương, mục, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 1.1.20 Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2 – THÀNH LẬP, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 2 Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính

2.1 Tên gọi:

- a. Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP
- b. Loại hình công ty: Công ty cổ phần
- c. Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Anh: AIRPORTS CORPORATION OF VIETNAM.
- d. Tên viết tắt: ACV

2.2 Trụ sở chính:

- a. Địa chỉ: Số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- b. Điện thoại: (84.8) 3 8485383
- c. Fax: (84.8) 3 8445127
- d. Website: <http://vietnamairport.vn/>

2.3 Biểu tượng:



2.4 Thời hạn hoạt động

Trừ trường hợp tổ chức lại; giải thể; phá sản theo qui định tại CHƯƠNG VII: Điều 96, CHƯƠNG VII: Điều 97, CHƯƠNG VII: Điều 98 của Điều lệ này, thời gian hoạt động của ACV là vô thời hạn.

Điều 3 Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của ACV

- 3.1 ACV được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật. ACV có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam. Mỗi Cổ đông chỉ chịu

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'L.H.', is located in the bottom right corner of the page.

trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của ACV trong phạm vi số vốn mà Cổ đông đó đã góp vào ACV.

- 3.2 ACV có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết; quản lý, chi đạo, chi phối các công ty con, công ty liên kết theo tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ tại các công ty đó theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ các công ty liên quan.
- 3.3 ACV có:
- 3.3.1 Con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của Pháp luật có liên quan và Điều lệ này.
- 3.3.2 Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông đối với các công ty con và công ty liên kết trong phạm vi số vốn do ACV đầu tư.
- 3.3.3 Quyền sở hữu đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của ACV theo quy định của Pháp luật.

Điều 4 Con dấu

- 4.1 Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu của ACV và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật.
- 4.2 Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng con dấu của ACV theo quy định của Pháp luật.
- 4.3 Quản lý và sử dụng con dấu: Quy định nội bộ về sử dụng con dấu được ACV quy định cụ thể, trong đó xác định các chức danh quản lý, chức danh điều hành và các trường hợp được sử dụng con dấu của ACV và chi nhánh.

Điều 5 Người đại diện theo pháp luật của ACV

Người đại diện theo pháp luật của ACV là Tổng giám đốc ACV.

Điều 6 Mục tiêu hoạt động của ACV

Phát triển ACV là doanh nghiệp có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; kinh doanh đa ngành theo quy định của pháp luật, trong đó, đầu tư, xây dựng, quản lý khai thác cảng hàng không, sân bay là ngành kinh doanh chính; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo; có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; là một nòng cốt để ngành công nghiệp hàng không

Việt Nam phát triển bền vững, có khả năng cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả và bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, an ninh - quốc phòng, góp phần vào sự phát triển của đất nước.

Điều 7 Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và hoạt động

- 7.1 Lĩnh vực kinh doanh của ACV bao gồm các hoạt động kinh doanh quy định tại Điều lệ này và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp quy định của pháp luật.
- 7.2 ACV được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh không bị pháp luật cấm đầu tư kinh doanh và phù hợp với mục tiêu hoạt động của ACV.
- 7.3 Phạm vi kinh doanh và hoạt động của ACV là ở trong nước và nước ngoài.

Điều 8 Quản lý Nhà nước

- 8.1 ACV chịu sự quản lý của các cơ quan Nhà nước các cấp theo các quy định của pháp luật.
- 8.2 ACV thực hiện nghĩa vụ với địa phương nơi đặt trụ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 9 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong ACV

- 9.1 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong ACV hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- 9.2 Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong ACV hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó phù hợp với quy định của pháp luật.
- 9.3 ACV tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

MỤC 3 – NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**Điều 10 Ngành nghề kinh doanh chính của ACV**

- 10.1 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, bao gồm:
- 10.2 Đầu tư, quản lý vốn đầu tư, trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay;
- 10.3 Đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay;
- 10.4 Cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không;
- 10.5 Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác;

- 10.6 Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khoa học, công nghệ trong và ngoài nước;
- 10.7 Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa;
- 10.8 Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị hàng không;
- 10.9 Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không;
- 10.10 Cung ứng dịch vụ thương nghiệp, bán hàng miễn thuế, các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay;
- 10.11 Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay.
- 10.12 Dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa, kho hàng hóa; giao nhận hàng hóa; nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ.

Điều 11 Ngành nghề kinh doanh có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của ACV

- 11.1 Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP.HCM về phê duyệt kinh doanh nông sản thực phẩm trên địa bàn TP.HCM).
- 11.2 Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- 11.3 Quảng cáo.
- 11.4 Hoạt động trung gian tiền tệ khác.
Chi tiết: Đại lý thu đổi ngoại tệ tại các nhà ga hành khách cảng hàng không
- 11.5 Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- 11.6 Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa đường băng, đường lăn sân đậu, đường dẫn vào nhà ga hành khách, đường nội cảng.
- 11.7 Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- 11.8 Lắp đặt hệ thống điện.
- 11.9 Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- 11.10 Hoàn thiện công trình xây dựng.
- 11.11 Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- 11.12 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (trừ thiết kế công trình, giám sát thi công, khảo sát xây dựng).
- 11.13 Giáo dục nghề nghiệp.

- 11.14 Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- 11.15 Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- 11.16 Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...).
- 11.17 Đại lý du lịch.
- 11.18 Điều hành tour du lịch.
- 11.19 Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá tour và tổ chức tour du lịch.
- 11.20 Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không.
- 11.21 Lưu giữ hàng hóa.
- 11.22 Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).
- 11.23 Vận tải hành khách đường bộ khác.
- 11.24 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- 11.25 Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Bán điện cho người sử dụng.
- 11.26 Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Chi tiết: Khai thác, xử lý và phân phối nước cho nhu cầu gia dụng.
- 11.27 Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 11.28 Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 11.29 Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 11.30 Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 11.31 Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 11.32 Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 11.33 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê tài sản trên đất, cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh.
- 11.34 Hoạt động tư vấn quản lý.
- 11.35 Hoạt động vui chơi giải trí chưa được phân vào đâu.
- 11.36 Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự.
- 11.37 Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú.
- 11.38 Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông.
- 11.39 Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe ô tô; Xe/thiết bị chuyên dụng phục vụ mặt đất tại Cảng hàng không, sân bay; Xe có động cơ khác.
- 11.40 Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị, hạ tầng kỹ thuật tại Cảng hàng không, sân bay.
- 11.41 Thoát nước và xử lý nước thải.
- 11.42 Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.
- 11.43 Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại.
- 11.44 Thu gom rác thải không độc hại.
- 11.45 Thu gom rác thải độc hại.
- 11.46 Ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

Điều 12 Áp dụng Điều ước quốc tế và tập quán thương mại trong hoạt động hàng không

- 12.1 ACV được áp dụng Điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động hàng không mà ACV là thành viên, phù hợp với quy định của pháp luật.
- 12.2 ACV có thể thỏa thuận với khách hàng áp dụng tập quán thương mại, kể cả tập quán thương mại quốc tế, liên quan đến hoạt động cảng hàng không nếu tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 13 Vốn điều lệ

- 13.1 Vốn điều lệ của ACV tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua là 21.771.732.360.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi một nghìn, bảy trăm bảy mươi một tỷ, bảy trăm ba mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).
- 13.2 Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
- 13.3 Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích đầu tư, sản xuất kinh doanh của ACV và theo quy định của pháp luật.

Điều 14 Tăng, giảm vốn điều lệ

- 14.1 ACV thực hiện tăng, giảm vốn điều lệ, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan. ACV bảo đảm rằng Điều lệ này và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi một cách hợp pháp để phản ánh việc tăng, giảm vốn điều lệ.
- 14.2 Các hình thức tăng vốn điều lệ của ACV:
- 14.2.1 Chào bán cổ phần, bao gồm: (i). Chào bán cho các cổ đông hiện hữu; (ii). Chào bán ra công chúng và (iii). Chào bán cổ phần riêng lẻ.
- 14.2.2 Chuyển đổi trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phần (nếu có).
- 14.2.3 Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.
- 14.2.4 Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 14.3 Các hình thức giảm vốn điều lệ của ACV:
- 14.3.1 ACV mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm: (i). Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông; và (ii). Mua lại cổ phần theo quyết định của ACV.

14.3.2 Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15 Cổ phần

- 15.1 Mỗi cổ phần của ACV có mệnh giá là 10.000 đồng (Bằng chữ: Mười nghìn đồng). Số lượng cổ phần của ACV bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
- 15.2 Vốn điều lệ của ACV tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 2.177.173.236 cổ phần (Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi sáu cổ phần).
- 15.3 Toàn bộ số cổ phần của ACV vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
- 15.4 ACV có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo các điều kiện do Đại hội đồng cổ đông quyết định khi được Cơ quan Nhà nước chấp thuận và phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.
- 15.5 Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 16 Chào bán cổ phần

- 16.1 Chào bán cổ phần là việc ACV tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
- 16.2 Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
- 16.2.1 Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- 16.2.2 Chào bán ra công chúng;
- 16.2.3 Chào bán cổ phần riêng lẻ.
- 16.3 Chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 16.4 ACV thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
- 16.5 Điều kiện và trình tự thực hiện chào bán cổ phần theo các hình thức được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 17 Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

ACV sẽ tiếp tục thực hiện việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược theo Phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chào bán theo hình thức phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật doanh nghiệp.